

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Liên quan đến chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính năm 2019, nay Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình như sau:

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Một số chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán đã được Kiểm toán viên điều chỉnh và phân loại lại như sau:

Khoản mục	BCTC năm 2019 (trước kiểm toán)		BCTC năm 2019 (đã kiểm toán)		Chênh lệch	
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	30.047.588.440	100	28.877.364.040	(1.170.224.400)	
Trả trước cho người bán	132	441.136.261	132	411.163.261	(29.973.000)	(1)
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.142.412.207	136	2.075.999.971	(66.412.236)	(2)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(3.250.654.662)	137	(3.299.534.662)	(48.880.000)	(3)
Hàng tồn kho	141	29.240.906.335	141	29.270.879.335	29.973.000	(4)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.473.788.299	151	418.856.135	(1.054.932.164)	(5)
TÀI SẢN DÀI HẠN		61.598.920.880		62.804.394.636	1.205.473.756	
Tài sản cố định hữu hình	221	59.814.027.096	221	59.750.521.688	(63.505.408)	(6)
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.784.893.784	261	3.053.872.948	1.268.979.164	(7)
NỢ PHẢI TRẢ	300	1.328.157.108	300	1.363.255.859	35.098.751	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.328.157.108	313	1.363.255.859	35.098.751	(8)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	7.424.549.570	400	7.424.700.175	150.605	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	7.424.549.570	421	7.424.700.175	150.605	(9)

Chi tiết chênh lệch:

- (1) Mã số 132 giảm do Kiểm toán điều chỉnh chênh lệch tỷ giá khoản ứng trước cho người bán số tiền 29.973.000 đồng.
- (2) Mã số 136 giảm do Kiểm toán điều chỉnh Thuế GTGT của tài sản cố định thuê tài chính còn dư từ tài khoản 138 sang Tk 635 tiền 66.412.236 đồng .
- (3) Mã số 137 tăng do Kiểm toán điều chỉnh trích thêm nợ dự phòng phải thu khó đòi là 48.880.000 đồng.

(4) Mã số 141 tăng do Kiểm toán điều chỉnh hàng nhập kho vì hàng đã thanh toán cho nhà cung cấp nhưng công ty chưa nhập với số tiền 29.973.000 đồng.

(5) Mã số 151 giảm do Kiểm toán điều chỉnh phân loại chi phí trả trước ngắn hạn sang dài hạn với số tiền 1.054.932.164 đồng.

(6) Mã số 221 giảm do Kiểm toán điều chỉnh trích bổ sung khấu hao với số tiền 63.505.408 đồng.

(7) Mã số 261 tăng do Kiểm toán điều chỉnh phân loại chi phí trả trước ngắn hạn sang dài hạn với số tiền 1.054.932.164 đồng ; điều chỉnh giảm phân bổ chi phí thuê đất do 6 tháng đầu năm trích thừa số tiền 214.047.000 đồng.

(8) Mã số 313 tăng do ảnh hưởng đến thuế TNDN theo các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí, tăng số tiền 35.098.751 đồng.

(9) Mã số 421 tăng do ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên với số tiền 150.605 đồng.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	BCTC năm 2019 (trước kiểm toán)		BCTC năm 2019 (đã kiểm toán)		Chênh lệch	
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
Giá vốn hàng bán	11	140.695.634.659	11	140.759.140.067	63.505.408	(1)
Chi phí tài chính	22	2.080.751.758	22	2.147.163.994	66.412.236	(2)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.494.120.375	25	7.328.953.375	(165.167.000)	(3)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9.340.410.984	50	9.375.660.340	35.249.356	(4)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.919.779.414	51	1.954.878.165	35.098.751	(5)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7.420.631.570	60	7.420.782.175	150.605	(6)

Chi tiết chênh lệch:

(1) Mã số 11 tăng do Kiểm toán Điều chỉnh tăng khấu hao máy móc thiết bị số tiền 63.505.408 đồng.

(2) Mã số 22 tăng do Kiểm toán điều chỉnh Thuế GTGT của tài sản cố định thuê tài chính còn dư từ tài khoản 138 sang Tk 635 tiền 66.412.236 đồng.

(3) Mã số 25 giảm do Kiểm toán điều chỉnh điều chỉnh giảm phân bổ chi phí thuê đất do 6 tháng đầu năm trích thừa số tiền 214.047.000 đồng; tăng chi phí dự phòng nợ khó đòi 48.880.000 đồng.

(4), (5), (6) Mã số 50, 51, 60 tăng do ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên.

C. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	BCTC năm 2019 (trước kiểm toán)	BCTC năm 2019 (đã kiểm toán)	Chênh lệch
----------	-------	------------------------------------	---------------------------------	------------

Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	174.403.101.053	174.754.719.121	351.618.068
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(94.879.739.757)	(103.663.640.868)	(8.783.901.111)
Tiền chi trả lãi vay	04	(2.077.072.737)	(2.045.424.700)	31.648.037
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.363.299.174	1.319.826.653	(43.472.521)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.245.647.045)	(13.626.983.325)	5.618.663.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.563.940.688	56.738.496.881	(2.825.443.807)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.468.769.209)	(6.681.942.535)	786.826.674
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.156.902.759	1.156.902.759
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.585.612	44.746.802	32.161.190
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.456.183.597)	(5.480.292.974)	1.975.890.623
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	53.377.941.130	53.691.881.130	313.940.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(65.264.259.700)	(64.678.199.700)	586.060.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.886.318.570)	(10.986.318.570)	900.000.0000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	10.293.675.496	10.344.122.312	50.446.816
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	64.095.474	13.648.658	(50.446.816)

Nguyên nhân chênh lệch: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty do phần mềm kế toán tổng hợp nên một số chỉ tiêu được mặc định sẵn, chưa tổng hợp đúng dòng tiền thực tế của các hoạt động trong Công ty. Kiểm toán tổng hợp lại lưu chuyển tiền thực tế theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính theo thực tế phát sinh tại Công ty nên phát sinh chênh lệch số liệu so với số liệu Công ty tổng hợp.

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình để Quý Cơ quan được biết.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu (HCNS, KTTT)

TM. CÔNG TY CP KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Công Nghiệp
TỔNG GIÁM ĐỐC